

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 201/2024/DS-PT

Ngày 15 – 02 – 2024

V/v tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ;

Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Thanh Dũng.

2. Bà Giang Thị Cẩm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2023/TLPT-DS, ngày 16/10/2023 về việc “*Tranh chấp chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền bà **Nguyễn Kim C**, sinh ngày 01/01/1964. Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lâm Văn N**, sinh ngày 01/01/1964 (Có mặt).

2.2. Bà **Lê Thị P**, sinh ngày 01/01/1965 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Kiêu Kiện T**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Ông **Kiêu Song T1**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà **Kiều Kim M**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Nguyễn Tuấn K là nguyên đơn, do người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Kim C trình bày: Vào ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa ông K cùng với ông N và bà P xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, phần đất có diện tích 448m², thửa đất 403, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu với giá chuyển nhượng là 240.000.000 đồng.

Sau đó ông N tiếp tục chuyển nhượng phần đất trên cho ông K1 Kiện Toàn với giá 260.000.000 đồng.

Lý do tranh chấp, ông K đồng ý bán phần đất với giá 260.000.000 đồng, nhưng kèm theo điều kiện, ông N và bà P trả 57.000.000 đồng tiền lúa thì mới đồng ý giao kết hợp đồng, nói xong chỉ lập biên bản hòa giải tại địa phương ngày 22/4/2020. Tuy nhiên, khi đến ngày thực hiện giao kết ông T1 chỉ trả 260.000.000 đồng, còn 57.000.000 đồng không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với bị đơn:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Tuấn K với ông Lâm Văn N, bà Lê Thị P diện tích 448m², thửa đất số 403, tờ bản đồ số 15, phần đất tọa lạc ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Yêu cầu ông N, bà P trả ông K số tiền mua lúa là 57.000.000 đồng.

Ông K đồng ý trả cho ông N, bà P số tiền chuyển nhượng là 260.000.000 đồng.

Theo bà Lê Thị P là bị đơn trình bày: Vào năm 2019, ông Nguyễn Tuấn K và ông Lâm Văn N, bà Lê Thị P có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chiều ngang 08m, chiều dài 56m, diện tích 448m², thửa đất số 403, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu với giá chuyển nhượng là 240.000.000 đồng, bà P đồng ý bán đất để trừ cần nợ.

Sau đó, bà P còn nợ bên ngoài nhiều, bà còn phần đất khoảng 09 công tầm cây, nên thỏa thuận bán cho Kiều Song T1, ông T1 có hỏi phần đất trên có bán cho ai chưa, bà P nói có bán một phần cho ông K phần đất tranh chấp chiều ngang 8m, chiều dài 56m, diện tích 448m², lúc đó ông K và bà L (mẹ anh K) cũng đồng ý bán, nhưng với giá 260.000.000 đồng, ông K nhận đủ 260.000.000 đồng từ ông Kiều Song T1.

Như vậy, ông Kiều Song T1 mua phần đất 09 công tầm cây của bà P, ông N và ông T1 mua luôn phần đất trước đó của bà P đã chuyển nhượng đất có diện tích 448m² cho ông Nguyễn Tuấn K với giá 260.000.000 đồng và ông T1 đã trả đủ cho ông K.

Hiện tại, bà P còn nợ ông K 48.000.000 đồng tiền lúa, không thống nhất số nợ 57.000.000 đồng như ông K đã trình bày.

Đối với yêu cầu của ông K công nhận hợp đồng ngày 02 tháng 10 năm 2019, với diện tích 448m², thửa đất số 403, tờ bản đồ số 15, phần đất tọa lạc ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giữa ông K và bà P, ông N thì bà P không đồng ý vì ông K đã nhận tiền của ông T1 260.000.000 đồng, phần đất trên đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông T1, hiện tại bà P, ông N không còn phần đất nào để tách cho ông Nguyễn Tuấn K.

Theo ông Kiều Kiện T, ông Kiều Song T1 và bà Kiều Kim M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Vào năm 2021, ông Kiều Kiện T cùng em ruột là bà Kiều Kim M có thỏa thuận chuyển nhượng đất của ông Lâm Văn N và bà Lê Thị P một phần đất trồng lúa có diện tích 09 công tằm cây (Phần đất cổ cho ông M1) và một phần đất trồng lúa nhưng có mặt tiền giáp với lộ Giá R đi xã P có diện tích ngang 08m, dài gần 90m (ông N và bà P có nợ tiền mua lúa của ông K nên có thể chấp phần đất trên, để trừ nợ, với giá là 240.000.000 đồng), biết được việc chuyển nhượng nên ông K và ông M1 có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P hòa giải, tại buổi hòa giải 22/4/2020, anh, em của ông T đã xuất tiền trả cho Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm thủ tục chuyển nhượng, trước khi hoàn tất thủ tục thì anh, em ông T phải trả cho ông M1 05 lượng vàng 24K, trả cho ông Nguyễn Tuấn K 260.000.000 đồng. Phần đất trên, giữa ông Kiều Kiện T, K1 Song Toàn thỏa thuận cho Kiều Kim M hùn chuyển nhượng, tuy nhiên do ông Kiện T và ông Song T1 không đủ tiền mà phần đất chậm được cấp giấy nên ông Kiện T và Song Toàn thống nhất giao lại toàn bộ phần đất trên cho bà Kiều Kim M quản lý sử dụng, hiện tại diện tích 09 công đất trồng lúa bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất chiều ngang 08m, cặp lộ bà M đang trực tiếp quản lý nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển tên. Đối với việc ông K yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K, ông N và bà P thì ông Kiện T, Song T1 và bà M không đồng ý, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Giữa ông N, bà P và ông K không có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trước đây, do nợ tiền mua lúa nên có thể chấp phần đất ngang 8m với giá 240.000.000 đồng, phần đất từ trước đến khi chuyển nhượng lại cho bà M là do ông N và bà P canh tác quản lý, sử dụng, giấy chuyển nhượng đánh máy là do ông K tự làm lại thời gian tranh chấp tại Tòa án nhưng lùi lại ngày, thực tế là giấy loại tập học sinh viết tay với nhau, khi anh em ông T1 chuyển nhượng thì giữa anh em ông T1, bà P, ông N và ông K đã thống nhất đồng ý cho anh em ông T1 chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên với điều kiện ông T1 giao cho ông K 260.000.000 đồng và ông K đã nhận đầy đủ số tiền trên.

Thứ hai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông N và bà P đứng tên, Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T1 (bà M) với bà P, ông N là hợp pháp và các bên không có tranh chấp, cùng có ý chí hoàn thành thủ tục chuyển nhượng.

Thứ ba: Từ khi trả tiền xong thì phần đất này bà Kiều Kim M đã quản lý sử dụng, tiến hành cắm mốc trụ đá làm ranh các bên, tiến hành đổ đất và sử dụng ổn định.

Thứ tư: Do vị trí đất liền kề với nhau và đất hiện tranh chấp nằm phía ngoài nên khi chuyển nhượng anh em ông T1 phải chuyển nhượng toàn bộ lấy mặt tiền làm đường lưu thông để canh tác trồng lúa phía trong.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K đối với ông Lâm Văn N và bà Lê Thị P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Lâm Văn N, bà Lê Thị P trả cho ông Nguyễn Tuấn K số tiền 57.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn K về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/10/2019 giữa ông Nguyễn Tuấn K, ông Lâm Văn N và bà Lê Thị P. Phần đất theo mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 05/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngày 05/7/2022, có diện tích 612,3m² (trong đó: thửa 106, tờ bản đồ số 57 (Theo bản đồ chính quy 378), diện tích 434,9m²; diện tích 177,4m², thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ số 11 (Theo bản đồ chính quy 378), phần đất tọa lạc ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Có tứ cạnh cụ thể như sau:

- H: Giáp ông Nguyễn Minh H1, cạnh dài: 55,88m + 23,14m;
- Hướng Tây: Giáp Phạm Văn C1, cạnh dài: 54,71m + 21,86m;
- H: Giáp Kiều Kim M2, cạnh dài: 08m;
- H: Giáp tuyến Quốc lộ A - P, cạnh dài: 8m.

Hủy bỏ Giấy chuyển nhượng đất ngày 02/10/2019, có chữ ký bà Lê Thị P, ông Lâm Văn N, không có xác nhận của chính quyền địa phương và Hợp đồng về việc mua bán chuyển nhượng đất ngày 02/10/2019 có chữ ký ông Nguyễn Tuấn K, ông Lâm Văn N, bà Lê Thị P, có xác nhận của Trưởng ấp 18 là ông Hồng Út N1 và xác nhận của UBND xã P ông Huỳnh Thanh S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng: Yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông Nguyễn Tuấn K và ông Kiều Song T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tuấn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lâm Văn N, sinh ngày 01/01/1963. Nhưng trong quá trình tố tụng ghi ông N sinh năm 1964 là chưa chính xác nên cần xác định lại cho đúng, theo quy định tại khoản 3 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Kiều Kiện T, anh Kiều Song T1 và chị Kiều Kim M2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Tuấn K khởi kiện yêu cầu: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Tuấn K với ông Lâm Văn N, bà Lê Thị P diện tích 448m² (đo đạc thực tế 612m²), thửa đất số 403, tờ bản đồ số 15, phần đất tọa lạc ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; Yêu cầu ông N, bà P trả ông K số tiền mua lúa là 57.000.000 đồng; ông K đồng ý trả cho ông N, bà P số tiền đã nhận là 260.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn K: Tại Đơn kháng cáo ngày 11/7/2023 (bút lục 161): Ông Nguyễn Tuấn K yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông Nguyễn Tuấn K và ông Kiều Song T1. Xét thấy, yêu cầu trong đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn K chưa được giải quyết ở cấp sơ thẩm, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn K. Ông K có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác ở cấp sơ thẩm khi có yêu cầu, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 298, khoản 1 Điều 308, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, 117, 118, 119, 127, 500, 502, Điều 357, 468, 430, 431, 433, 440 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K đối với ông Lâm Văn N và bà Lê Thị P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Lâm Văn N, bà Lê Thị P trả cho ông Nguyễn Tuấn K số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn K về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/10/2019 giữa ông Nguyễn Tuấn K, ông Lâm Văn N và bà Lê Thị P. Phần đất thực tế theo mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 05/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngày 05/7/2022, có diện tích 612,3m², (trong đó: Thửa 106, tờ bản đồ số 57 (Bản đồ chính quy 378), diện tích 434,9m²; diện tích 177,4m², thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ số 11 (Bản đồ chính quy 378), tọa lạc ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Có tứ cạnh cụ thể như sau:

- H: Giáp ông Nguyễn Minh H1, cạnh dài: 55,88m + 23,14m;
- Hướng Tây: Giáp Phạm Văn C1, cạnh dài: 54,71m + 21,86m;
- H: Giáp Kiều Kim M2, cạnh dài: 08m;
- H: Giáp tuyến Quốc lộ A - P, cạnh dài: 8m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu và mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 05/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu)

Hủy bỏ Giấy chuyển nhượng đất ngày 02/10/2019, có chữ ký bà Lê Thị P, ông Lâm Văn N, không có xác nhận của chính quyền địa phương và Hợp đồng về việc mua bán chuyển nhượng đất ngày 02/10/2019 có chữ ký ông Nguyễn Tuấn

K, ông Lâm Văn N, bà Lê Thị P, có xác nhận của Trưởng ấp 18 là ông Hồng Út N1 và xác nhận của UBND xã P ông Huỳnh Thanh S.

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 1.628.856 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng), khấu trừ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng chi phí tố tụng, ông K nhận lại 1.371.144 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi một ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng) tại Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N2 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ 1.430.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng), tạm ứng án phí theo lai thu số 0002257, ngày 31/12/2020 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), lai thu số 0004570 ngày 12/12/2022, ông Nguyễn Tuấn K nhận lại 1.430.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

5.2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lâm Văn N được miễn nộp 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng); bà P phải chịu số tiền án phí là 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

5.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông K đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014882 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Phan Công Trí